

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG  
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2024/HNGĐ - ST**

Ngày: 23-01-2025.

V/v: “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Phúc

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Thời

2. Bà Nguyễn Thị Xuân Hoa

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Hoàng Mỹ Dung - là thư ký Tòa án nhân dân huyện

Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa:**

Ông Trần Văn Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 102/2024/QĐXXST-ST ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2025/QĐST-HNGĐ ngày 15/01/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thiều Thị Bích H, sinh năm: 1984; Địa chỉ: Tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Đặng Minh C, sinh năm: 1978; Địa chỉ: Số E T, tổ dân phố L, thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Nguyên đơn vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 22 tháng 10 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Thiều Thị Bích H trình bày: Chị và anh Đặng Minh C tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và kết hôn với nhau năm 2006. Vợ chồng đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D ngày 17/7/2006. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện. Vợ chồng chung sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về quậy phá, ngược đãi vợ con, đập phá đồ đạc.

Có hôm trời mưa gió anh còn đuổi vợ con và nhốt vợ con ở bên ngoài, mặc kệ trời mưa gió. Vào khoảng năm 2017, chị có nhờ công an thị trấn D làm việc để răn đe bớt nhưng anh C vẫn không thay đổi. Do thấy anh C không thay đổi nên chị cũng không dám nhờ Công an đến làm việc nữa.

Về vấn đề tiền bạc thì anh C đi làm có tiền nhưng cũng không đưa tiền cho chị chăm lo đáp ứng các nhu cầu thiết yếu của gia đình như chi phí ăn uống, sinh hoạt trong gia đình, đóng học cho con. Chị hỏi nhiều lần thì lâu lâu anh mới đưa được một ít và mỗi lần đưa tiền thì chửi chị. Những lúc anh đau ốm thì chị lo chăm sóc, những lúc chị ốm đau thì anh bỏ mặc, không quan tâm. Chị vì muốn con cái có một mái ấm gia đình nên đã nhường nhịn và chịu đựng nhiều năm nhưng anh C vẫn không sửa đổi.

Từ tháng 10 năm 2023 chị dẫn con gái là cháu Đặng Thiệu Hữu N về nhà ngoại sinh sống. Thời gian đầu thì anh C cũng đến để níu kéo chị quay về nhưng thấy chị cương quyết không quay về thì cũng không níu kéo nữa. Chị xác định vợ chồng sống ly thân từ tháng 10 năm 2023 cho đến nay. Không liên lạc và cũng không quan tâm nhau, mặc ai nấy sống. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh Đặng Minh C.

*Quá trình giải quyết vụ án anh Đặng Minh C không đến Tòa án làm việc. Anh có trình bày bản tự khai ngày 08/01/2025:* Anh và chị Thiệu Thị Bích H kết hôn ngày 17/7/2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn D. Nay chị H yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn.

Về con chung:

Chị Thiệu Thị Bích H và anh Đặng Minh C xác nhận có 02 con chung tên Đặng Thiệu Quốc T, sinh ngày 23/4/2008, Đặng Thiệu Hữu N, sinh ngày: 25/5/2011. Cháu T đang học lớp 11 thì nghỉ học và đã đi làm, hiện đang ở với anh C. Cháu N đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Chị Thiệu Thị Bích H yêu cầu giao cháu Đặng Thiệu Q T cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng giáo dục và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đặng Thiệu Hữu N, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Đặng Minh C yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung.

- Về tài sản chung và nợ chung:

Chị Thiệu Thị Bích H cho rằng vợ chồng không có nợ chung; có tài sản chung nhưng không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản của vợ chồng. Anh C cho rằng không có tài sản chung và nợ chung. Hai bên không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành triệu tập họp lệ anh Đặng Minh C đến Tòa án để trình bày lời khai, đối chất, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời gửi Thông báo về việc yêu cầu trình bày ý kiến và cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng anh C vắng mặt, không thể hiện ý kiến của mình đối với các lời trình bày của nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án. Vì vậy, Tòa án

tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, thông báo cho bị đơn được biết về kết quả phiên họp và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Thiệu Thị Bích H và anh Đặng Minh C được ly hôn; về con chung: Giao cháu Đặng Thiệu Q T cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; giao cháu Đặng Thiệu Hữu N cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung các bên không yêu cầu giải quyết nên không đề cập đến. Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn giữa chị Thiệu Thị Bích H và anh Đặng Minh C. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại thị trấn D, huyện Đ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bị đơn anh Đặng Minh C đã được triệu tập họp lệ đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Nguyên đơn chị Thiệu Thị Bích H có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H, anh C theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo vắng mặt cho chị H, anh C theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

#### **[2.1] Về quan hệ hôn nhân:**

Chị Thiệu Thị Bích H và anh Đặng Minh C đã được Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 17/7/2006, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, thời điểm đăng ký cả hai đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị H và anh C là hợp pháp.

Quá trình chung sống, theo chị H thì vợ chồng sống đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường xuyên nhậu nhẹt, say xỉn, quậy phá, đập phá đồ đạc, ngược đãi vợ con. Dù đã nhờ công an thị trấn D nhưng anh C

vẫn không sửa đổi. Về tiền bạc thì không đưa tiền cho chị để chị chăm lo, trang trải các nhu cầu thiết yếu của gia đình. Sau nhiều năm chịu đựng anh C không thay đổi và thấy các con đã khôn lớn nên chị quyết định giải thoát cho mình. Tháng 10 năm 2023 chị dẫn cháu Hữu N về nhà ngoại sinh sống, thời gian đầu anh C còn níu kéo, sau đó thấy chị cương quyết thì cũng không níu kéo nữa.

Phía anh Đặng Minh C quá trình làm việc Tòa án đã gửi đơn khởi kiện và các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của nguyên đơn cho anh C, thông báo về việc yêu cầu trình bày ý kiến đối với việc trình bày ý kiến và yêu cầu của nguyên đơn, đồng thời gửi giấy triệu tập yêu cầu anh C đến Tòa án làm việc, trình bày lời khai, đối chất nhưng anh C không đến Tòa án làm việc, không phản hồi ý kiến của mình đối với ý kiến trình bày của chị H. Ngày 08/01/2025 anh C có bản tự khai thể hiện ý kiến anh đồng ý ly hôn.

Như vậy, mặc dù anh C không xác nhận vợ chồng có mâu thuẫn, tuy nhiên căn cứ lời trình bày của nguyên đơn thời gian vợ chồng mâu thuẫn, sống ly thân, không quan tâm nhau, mặc ai nấy sống và việc anh C đồng ý ly hôn cho thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị H và anh C là có thật và đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị H yêu cầu được ly hôn vì tình cảm không còn, phía anh C cũng đồng ý ly hôn nên Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị H, cho chị Thiều Thị Bích H và anh Đặng Minh C được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 và Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Thiều Thị Bích H và anh Đặng Minh C đều xác nhận có 02 người con chung là cháu: Đặng Thiều Quốc T, sinh ngày: 23/4/2008, Đặng Thiều Hữu N, sinh ngày 25/5/2011. Cháu T đang học lớp 11 trường THPT H1 thì nghỉ học và đi làm, hiện đang ở với anh C. Cháu N đang do chị Thiều Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Quá trình giải quyết vụ án chị Thiều Thị Bích H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu N; giao cháu T cho anh C trực tiếp nuôi dưỡng vì cháu T cũng đã lớn và đi làm, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tại bản tự khai ngày 08/01/2025 anh C yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung. Hội đồng xét xử xét thấy cháu T hiện đang ở với anh C và có nguyện vọng được sống với anh C. Cháu Đặng Thiều Hữu N hiện đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và có nguyện vọng được sống với chị H. Theo chị H cho biết hiện chị đi làm thuê, thu nhập bình quân mỗi tháng 7.000.000đ – 8.000.000đ. Tại bản tự khai ngày 08/01/2025 anh C cho biết hiện anh đang làm công việc tự do, thu nhập không ổn định. Chị H đang ở nhà riêng được xây trên đất phía ngoại cho. Anh C đang ở nhà chung của vợ chồng xây trên đất phía nhà chồng. Như vậy, xét điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con thì phía chị H có điều kiện nuôi dưỡng chăm sóc con tốt hơn anh C. Cháu N cũng đang do chị H trực tiếp nuôi dưỡng và đưa đón đi học. Phía cháu T tuy chưa đủ 18 tuổi nhưng cũng đã đi làm kiếm tiền nuôi sống được bản thân. Đồng thời, xét nguyện vọng các cháu, căn cứ Điều

81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình giao cháu Đặng Thiệu Q T cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Đặng Thiệu Hữu N cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với tình hình, điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con của các bên, đồng thời phù hợp với nguyện vọng của của các cháu cũng như quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung:

Theo chị Thiệu Thị Bích H vợ chồng có tài sản chung và không có nợ chung nhưng không yêu cầu giải quyết tài sản chung và nợ chung

Theo anh C vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung.

Chị H và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề giải quyết.

[3] Về án phí:

Chị Thiệu Thị Bích H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy của pháp luật. Anh Đặng Minh C không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 51, 55, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 220, 227, 228, 238, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

### **1. Về quan hệ hôn nhân:**

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn chị Thiệu Thị Bích H đối với bị đơn anh Đặng Minh C.

Cho chị Thiệu Thị Bích H và anh Đặng Minh C được ly hôn.

Quan hệ hôn nhân theo giấy chứng nhận kết hôn số 67 ngày 17/7/2006 của Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng chấm dứt kể từ ngày Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao cháu Đặng Thiệu Quốc T, sinh ngày 23/4/2008 cho anh Đặng Minh C trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi; Giao cháu Đặng Thiệu Hữu N, sinh ngày 25/5/2011 cho chị Thiệu Thị Bích H trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

*Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.*

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

*Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.*

3. Về án phí: Buộc chị Thiều Thị Bích H phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ chị Thiều Thị Bích H đã nộp theo biên lai thu số 0002723 ngày 28/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Chị Thiều Thị Bích H đã nộp đủ án phí. Anh Đặng Minh C không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

*“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Thị Phúc**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND thị trấn Dran;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

